CTCP Vicostone (HNX: VCS)

FireAnt

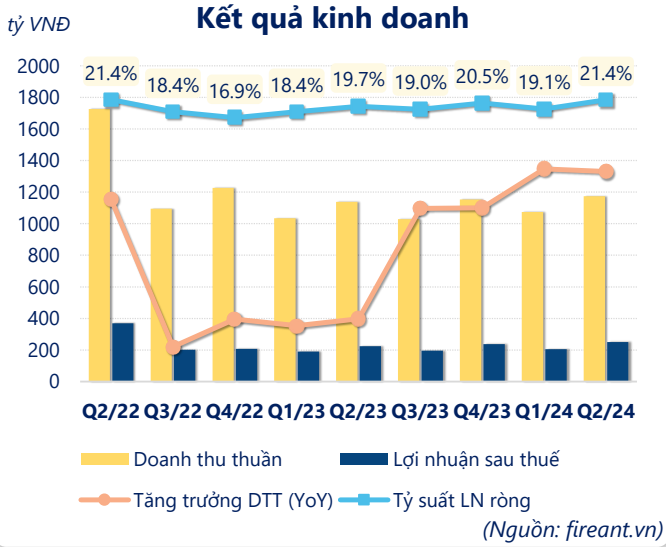
Ngày 28/06/2024	73,500 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	6.3%	**4.4%**	**36.9%**

ROE — Q2/24: **17.8%** | +/- YoY: ▲ 1.1%

	Q2/24	QoQ	YoY
DT thuần	1,174 tỷ VNĐ	▲ 100 ▲ 9.3%	▲ 36.0 ▲ 3.2%
LN gộp	337 tỷ VNĐ	▲ 47.0 ▲ 16.4%	▲ 20.0 ▲ 6.4%
LN thuần	299 tỷ VNĐ	▲ 54.0 ▲ 22.1%	▲ 32.0 ▲ 12.0%
LN sau thuế	251 tỷ VNĐ	▲ 46.0 ▲ 22.6%	▲ 27.0 ▲ 12.2%

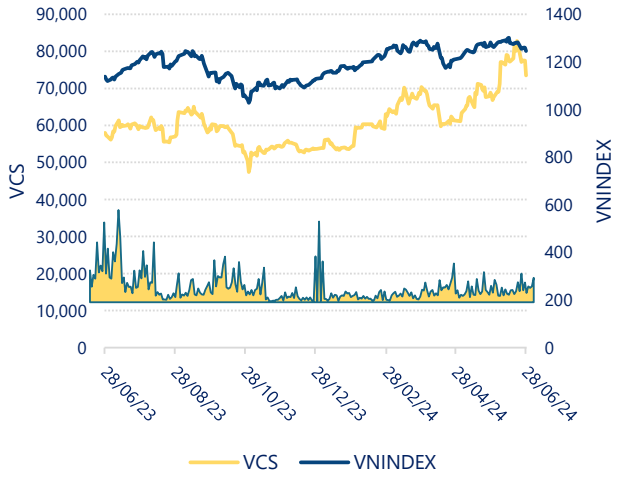
	6T 2024	YoY
DT thuần	2,248 tỷ VNĐ	▲ 76.0 ▲ 3.5%
LN gộp	627 tỷ VNĐ	▲ 38.0 ▲ 6.5%
LN thuần	544 tỷ VNĐ	▲ 52.0 ▲ 10.5%
LN sau thuế	456 tỷ VNĐ	▲ 41.0 ▲ 10.0%

Kết quả kinh doanh



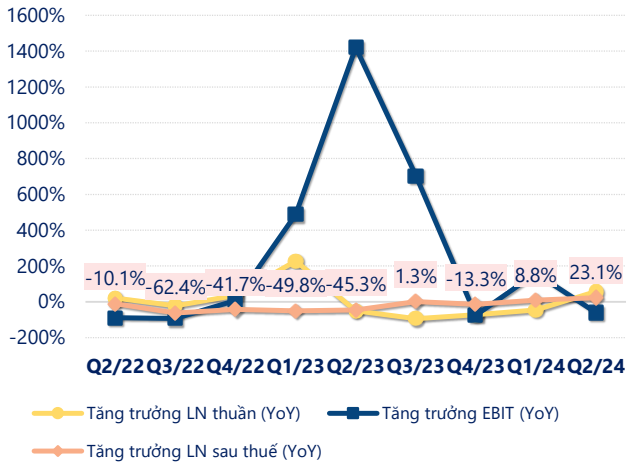
(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



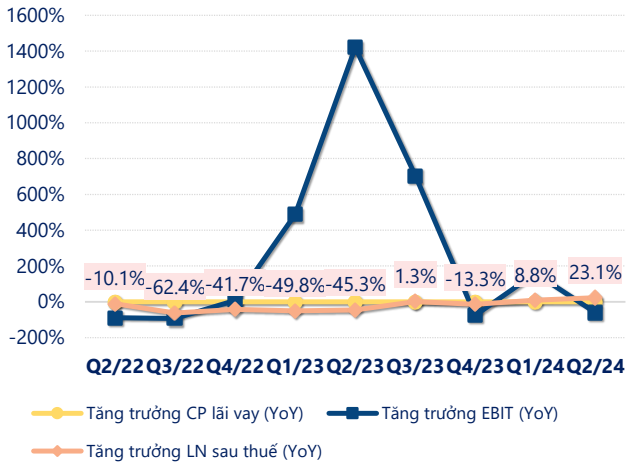
CTCP Vicostone (HNX: VCS)

Tăng trưởng lợi nhuận



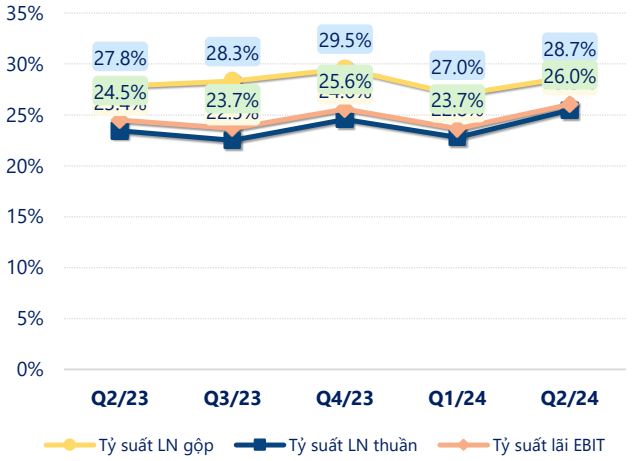
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



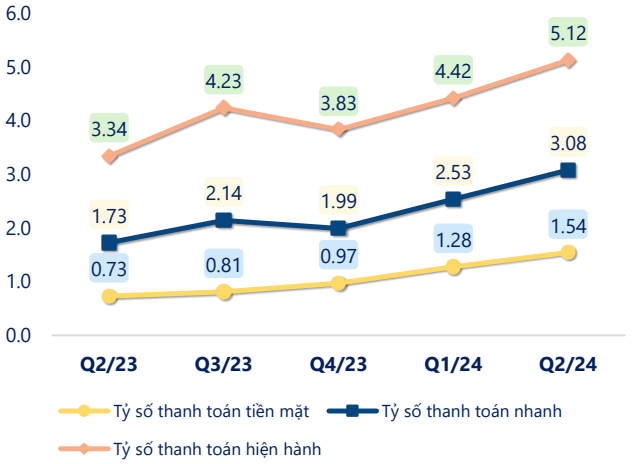
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



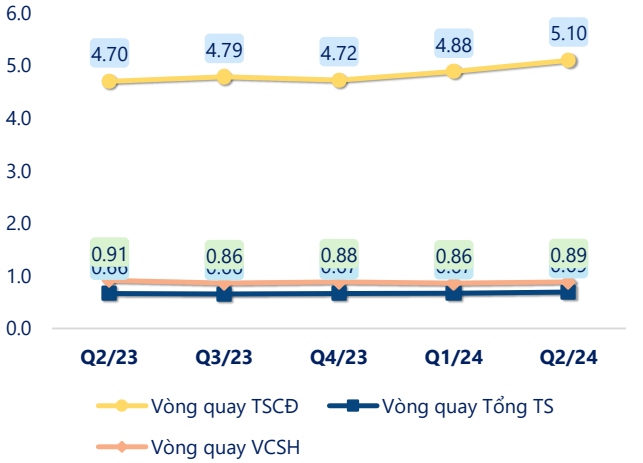
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



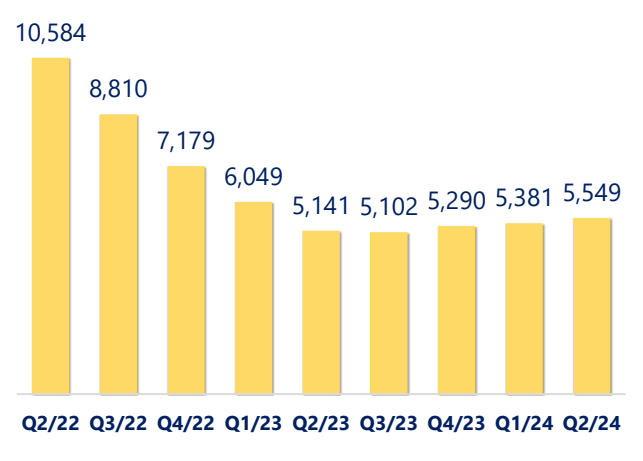
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

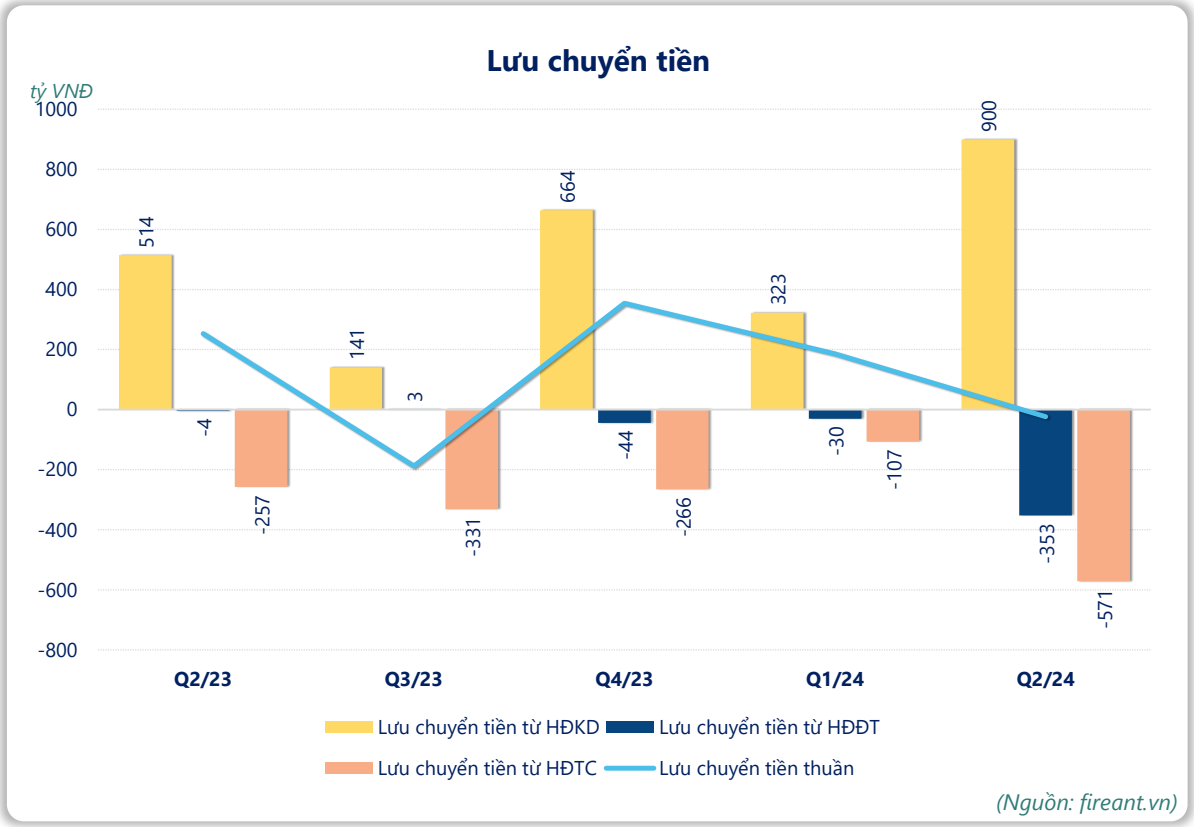


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Vicostone (HNX: VCS)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1,174**	**1,138**	**3.2%**	**2,248**	**2,172**	**3.5%**
Giá vốn hàng bán	837	821	1.9%	1,621	1,583	2.4%
Lợi nhuận gộp	337	317	6.4%	627	589	6.5%
Doanh thu HĐTC	43.3	28.5	51.8%	61.9	47.7	29.7%
Chi phí TC	13.6	21.3	-36.3%	25.1	40.7	-38.3%
Chi phí lãi vay	7.73	15.4	-49.8%	18.2	29.1	-37.6%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	50.6	38.8	30.5%	88.5	73.1	21.0%
Chi phí QLDN	**17.4**	**18.4**	**-5.2%**	**31.5**	**30.8**	**2.0%**
LN thuần từ HĐKD	299	267	12.0%	544	492	10.5%
Lợi nhuận khác	**-1.12**	**-3.41**	**67.1%**	**-2.37**	**-3.65**	**34.9%**
LN trước thuế	298	263	13.3%	541	488	10.9%
Lợi nhuận sau thuế	**251**	**224**	**12.2%**	**456**	**415**	**10.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**251**	**224**	**12.2%**	**456**	**415**	**10.0%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)